

Tĩnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa

Tập 90

Chủ giảng: Lão pháp sư Tịnh Không

Thời gian: Ngày 27 tháng 07 năm 2010

Địa điểm: Hiệp hội giáo dục Phật-đà Hồng Kông

Viết dịch: Ban biên dịch Pháp Âm Tuyên Lưu

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi. Mời xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 101, từ hàng thứ 5 từ dưới lên, bắt đầu xem từ “tôn giả A-nan vân vân”:

“Tôn giả A-nan vân vân. Đời Đường Tống dịch là A-nan-đà, gọi tắt là A-nan. Hán dịch là Khánh Hỷ, Hoan Hỷ, còn dịch là Vô Nhiễm. Ngài là con của vua Bạch Phạn, em họ của Phật. Sinh vào ngày Phật thành đạo. Vua Tịnh Phạn nghe tin thái tử thành Phật, lại nghe trong cung sanh con trai, càng thêm hoan hỷ. Bèn nói rằng: hôm nay đại cát, là ngày hoan hỷ. Bảo với sứ giả rằng: đưa trẻ ấy nên đặt tên là A-nan.” Chúng ta xem tới chỗ này. Tôn giả A-nan, trong đây có chữ vân vân, vân vân là còn có những người khác, bởi vì trong năm bản dịch gốc, bản liệt kê tên nhiều nhất có hơn 30 vị, khi cụ Hạ hội tập đã chọn lấy những vị biểu pháp quan trọng, còn những vị khác đều lược bớt đi, cho nên dùng chữ vân vân. Bản dịch đời Đường, bản dịch đời Tống đều dịch là A-nan-đà, đà là âm cuối, người Trung Quốc, đặc biệt là Trung Quốc xưa, thích đơn giản, nên lược bớt âm cuối, giống chữ Phật, sau chữ Phật có âm cuối là Phật-đà-da, âm cuối cũng bị lược bớt. Cho nên gọi tắt là A-nan, dịch sang nghĩa Trung Quốc là khánh hỷ, ý nghĩa của hoan hỷ, cũng có nghĩa là vô nhiễm, ngài là con của vua Bạch Phạn. Cha của Thế Tôn là vua Tịnh Phạn, có bốn anh em, mỗi người đều có hai con trai, bởi thế anh em họ của Phật Thích-ca có tám người, trong số tám người anh em họ thì Phật là lớn nhất, A-nan là nhỏ nhất, xếp vào hàng thứ tám. Là A-nan sanh nhằm ngày Phật thành đạo, Thích-ca Mâu-ni Phật 30 tuổi thành đạo, người em này nhỏ hơn Phật 30 tuổi, vì Phật thành đạo lúc 30 tuổi. Sinh nhằm ngày này, cũng là ngày Phật thành đạo, tin vui báo về hoàng cung, vua Tịnh Phạn nghe tin thái tử thành Phật, chứng quả rồi, lại nghe trong cung sanh ra đứa bé này, là em họ của Phật, chính là cháu trai của nhà vua, cho nên vô cùng hoan hỷ. Vua liền nói, hôm nay là đại cát, là ngày hoan hỷ, bảo người đến báo tin, đứa bé này nên đặt tên là A-nan, chính là A-nan-đà, mang ý nghĩa hoan hỷ.

“Hơn nữa, tôn giả đoan chánh thanh tịnh, như tấm gương sáng, thấy tướng mạo ngài, nghe tiếng ngài, xem oai nghi ngài, không ai không hoan hỷ, nên đặt tên như vậy.” Cái tên này là vô cùng phù hợp. A-nan cũng là bậc tái lai, không phải là người bình thường, Phật có 32 tướng 80 vẻ đẹp, A-nan có 30 tướng, cho nên rất không dễ. Đoan chánh thanh tịnh, như tấm gương sáng, loại đặc biệt tốt trong số những tấm gương sáng. Cho nên có người thấy đũa bé ấy, hoặc nghe tiếng nó nói, thấy động tác của nó, không ai không hoan hỷ, ai trông thấy cũng yêu mến đũa bé này, cho nên bác cả của nó đặt tên cho nó là A-nan, thực sự là danh xứng với thực. *“Lại nữa, tôn giả theo Phật vào long cung và thiên cung mà tâm không ham đắm, nên gọi là Vô Nhiễm.”* Sau khi xuất gia, Thích-ca Mâu-ni Phật từng dẫn ngài lên xem qua thiên cung, trời Dục giới, cũng đã từng đến thăm long cung, nơi Bồ-tát Đại Long ở, bất luận là ở long cung hay ở thiên cung, ngài đều không bị ô nhiễm, tâm địa thanh tịnh, cho nên danh hiệu này cũng có nghĩa là vô nhiễm. *“Khi Phật 55 tuổi thì A-nan mới xuất gia”*, A-nan xuất gia lúc 25 tuổi, *“thị giả cho Phật 25 năm”*, khi Thích-ca Mâu-ni Phật diệt độ, người Trung Quốc nói theo tuổi mục là 80 tuổi, người nước ngoài nói theo tuổi thật, tuổi thật là 79 tuổi, ngài làm thị giả cho Phật 25 năm, chăm sóc Phật-đà 25 năm. *“Những pháp do Phật tuyên thuyết, ngài đều nhớ giữ, không quên một chữ.”* Trong các đệ tử của Phật-đà, ngài có trí nhớ tốt nhất, sức lý giải đặc biệt mạnh, chúng ta thấy được từ trong hội Lăng-nghiêm. Thế Tôn giảng kinh Lăng-nghiêm, ngài hoàn toàn có thể lý giải ý nghĩa mà Phật nói, lúc bấy giờ tôn giả Phú-lâu-na đã chứng Tứ quả La-hán, nghe không hiểu, A-nan có thể nghe hiểu, đây chính là chứng tỏ căn tánh của ngài không giống với người khác. Cho nên ngài truyền pháp tạng của Phật, tôn giả Ca-diếp truyền Thiên tông của Phật, Giáo hạ chính là A-nan truyền. Việc này đều có thể ghi nhớ, không quên một chữ là sự việc vô cùng không dễ, cho nên đây đương nhiên là bậc tái lai. *“Kinh Niết-bàn xưng A-nan là bậc đa văn. Ca-diếp lại khen rằng: Nước biển lớn Phật pháp, chảy vào tâm A-nan. Nên gọi là đa văn đệ nhất.”* Trong mười đại đệ tử, ngài là đa văn đệ nhất.

“Vân vân”, trong bản Ngụy dịch có nêu ra 31 vị”, bản Ngụy dịch là bản dịch của Khang Tăng Khải, bản của Khang Tăng Khải đã nêu ra 31 vị thượng thủ. Mà bản kinh này vốn dĩ trong quá khứ lưu thông rộng nhất, trong năm bản dịch gốc, bản dịch này hoàn bị nhất, phiên dịch rất khá, cho nên mọi người học tập kinh Vô Lượng Thọ đều dùng bản này. Tôi quá khứ đã học bộ kinh này ở Đài Trung, thầy Lý giảng từ đầu đến cuối một lần, tức là giảng bản dịch của Khang Tăng Khải. Lần đầu tiên thầy giảng là dùng bản của lão cư sĩ Hạ Liên Cư, lần thứ hai là dùng bản của ngài Khang Tăng Khải. *“Bản hội tập hiện nay chỉ nêu tên năm vị thượng thủ trong số đó, thế nên*

viết là A-nan vân vân, để chỉ chung các vị còn lại”, những vị khác đều được lược bớt. Đây đều là biểu pháp, A-nan ở trong pháp môn này biểu thị niệm Phật chính là đa văn đệ nhất, ý nghĩa này chúng ta không thể không biết. Học rộng nghe nhiều, liên quan gì với niệm Phật? Có liên quan, niệm Phật có thể niệm tới mức được niệm Phật tam-muội, đây là nhập định, đắc thiền định; sau khi đắc thiền định, công phu định lực đạt tới trình độ nhất định, bỗng nhiên đại ngộ, người này sẽ khai ngộ; sau khi khai ngộ, đó mới là đa văn, bạn chưa từng nghe qua kinh, nhưng bạn vừa nghe liền hiểu rõ, vừa đọc liền hiểu rõ, cho nên sáu căn vừa tiếp xúc liền thông đạt hiểu rõ, đó mới thật sự gọi là đa văn đệ nhất.

Ví dụ này, chúng ta không nói đến các đệ tử Thế Tôn, chúng ta thấy Lục tổ Huệ Năng của Thiên tông thuộc đời Đường của Trung Quốc, đó là một thí dụ rất hay. Ngài chưa nghe qua kinh, đại sư Huệ Năng không biết chữ, đương nhiên không thể đọc kinh, nhưng ngài nghe. Bạn thấy người đầu tiên gặp được ngài là tỳ-kheo-ni Vô Tận Tạng, vị tỳ-kheo-ni này cả đời thọ trì kinh Đại Niết-bàn. Phân lượng của kinh Đại Niết-bàn cũng rất nhiều, có hai loại bản dịch, một là bản 40 quyển, một là bản 36 quyển. Sau khi đại sư Huệ Năng nhận được y bát, thầy bảo ngài đi lánh nạn, đi ẩn cư, đi xuống phương Nam. Ngài hỏi thầy, ngài nói: “Con đến đâu để ẩn cư?” Thầy nói: “Anh từ đâu đến thì hãy trở lại nơi đó.” Trên đường gặp được tỳ-kheo-ni Vô Tận Tạng, nghe bà ấy đọc kinh Niết-bàn, sau khi nghe xong, ngài liền giảng bộ kinh này cho tỳ-kheo-ni Vô Tận Tạng, giảng kinh Đại Niết-bàn. Tỳ-kheo-ni Vô Tận Tạng nghe giảng vô cùng hoan hỷ, liền cầm kinh hướng về ngài thỉnh giáo. Ngài nói cho bà ấy biết, ngài nói: “Tôi không biết chữ.” Bà hỏi: “Ngài không biết chữ, vậy làm sao có thể giảng hay như thế?” Ngài nói: “Chuyện ấy không liên quan đến biết chữ hay không.” Câu nói này vô cùng quan trọng, minh tâm kiến tánh, cái này quan trọng. Chỉ cần kiến tánh, hết thảy pháp thế gian hay xuất thế gian đều là tâm hiện thức biến, bạn kiến tánh rồi thì thức đó cũng chẳng có vấn đề gì nữa, thông suốt toàn bộ. Thức từ đâu mà có? A-lại-da, a-lại-da vẫn là do tâm hiện. Đây chính là hết thảy pháp thế gian và xuất thế gian đã hoàn toàn hiểu rõ. Ngài ở nơi đó vài ngày, tỳ-kheo-ni Vô Tận Tạng tụng kinh cho ngài nghe, ngài liền giảng cho bà nghe, tỳ-kheo-ni Vô Tận Tạng liền khai ngộ. Cả đời đại sư Huệ Năng, dưới sự chỉ dạy của ngài có tất cả 43 người đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, trong đó có một người nữ, tỳ-kheo-ni. Tại vì sao? Chúng ta phải hiểu rõ một câu nói của người xưa, “thâm nhập một môn, huân tu lâu dài”, tâm của bà thanh tịnh. Bộ kinh này nếu như họ tụng niệm trong 5 năm, 10 năm, vậy tâm họ thanh tịnh, tâm thanh tịnh sanh trí tuệ, tâm thanh tịnh thì phiền não đã đoạn, ít nhất là phiền não bị đè phục, phiền não không khởi hiện hành

nữa. Thật sự gặp được cao nhân, gặp được thiện tri thức, đối với bộ kinh mà bạn đang thọ trì, vào thời điểm then chốt chỉ cần điểm hóa cho bạn một cái thì liền thông suốt, một điểm liền quán thông.

Đại sư Huệ Năng chưa từng đọc qua kinh, đi bán củi ngẫu nhiên nghe có người đọc kinh, ngài ở ngoài cửa sổ nghe được tiếng đọc kinh bên trong, nghe thấy rất hoan hỷ. Đứng nghe, nghe một hồi lâu, sau khi nghe xong thì tiến vào gõ cửa. Vị cư sĩ đọc kinh ấy mở cửa, gặp mặt ngài, ngài liền giảng nghĩa lý của quyển kinh mà vừa mới nghe đó cho vị đó, vị cư sĩ nghe xong, vô cùng kinh ngạc. Đây là cư sĩ lớn tuổi, cũng không phải người thường, tiếp tục trò chuyện với ngài, phát hiện ra ngài, nói theo cách chúng ta bây giờ là thiện căn thật sự sâu dày, không phải là người thông thường, liền khuyên ngài đến Hoàng Mai, bán hòa thượng Ngũ tổ Nhẫn. Ngài kể với ông ấy về khó khăn của chính mình, trong nhà ngài còn mẹ già, mỗi ngày phải cày vào ngài bán củi để sống qua ngày, sau khi ngài đi thì sẽ không có ai chăm sóc mẹ già. Vị cư sĩ ấy vô cùng nhiệt tình, mời mấy vị đồng tu họp lại, họ tặng cho ngài mười lượng bạc để làm chi phí lo liệu việc nhà, “mẹ ngài đã có người chăm sóc, ngài cứ yên tâm ra đi”. Ở Hoàng Mai tám tháng, không hề bước vào giảng đường, cũng không vào thiền đường. Lão hòa thượng chỉ giao cho ngài một công việc, đến phòng giã gạo để giã gạo, chẻ củi, đây chính là nghề của ngài, đúng với nghề cũ, bảo ngài làm công quả, đã làm tám tháng. Tới khi truyền pháp, quả nhiên truyền cho ngài, không ai ngờ được. Truyền pháp vào đêm khuya, lúc nửa đêm canh ba trong phòng phương trượng, cả hai người vô cùng hiểu ý nhau. Hòa thượng Nhẫn giảng đại ý của kinh Kim Cang cho ngài nghe, lúc ấy chắc chắn không cần đến sách, chúng tôi ước tính sẽ không vượt quá hai tiếng đồng hồ, giảng đến “nên không trụ vào đâu, mà sanh tâm kia”, ngài liền khai ngộ ngay. Đây là vừa ngộ thì toàn bộ thông, hết thấy pháp thế gian và xuất thế gian đều quán thông, bạn chỉ cần đem kinh điển nhà Phật đọc cho ngài nghe, ngài liền có thể giảng cho bạn nghe, chẳng phải là đa văn đệ nhất đó sao? Bí quyết truyền pháp trong Phật pháp chính ở chỗ này, thế nhưng bạn phải có căn bản. Bạn xem, nhờ giới sanh định, nhờ định khai tuệ.

Thế hệ này của chúng ta, có thể nói là chúng ta quan sát mà thấy được, từ sau kháng chiến, chính là trong thời kỳ chiến tranh, từ khi cuộc chiến đó bắt đầu mãi cho đến hiện nay, trong cửa Phật bất luận tại gia hay xuất gia không có người khai ngộ. Lời này là do lão pháp sư Đàm Hư nói, những năm đầu ngài sống ở Hồng Kông, là học trò của lão pháp sư Đệ Nhàn, cả đời cũng là pháp sư giảng kinh. Ngài sáng lập Thư viện Phật giáo Trung Hoa ở Hồng Kông, vào năm 1977 tôi đã giảng kinh Lăng-nghiêm suốt hai tháng tại đó. Tôi giảng tổng cộng bốn tháng, hai tháng sau là giảng

ở giảng đường Quang Minh của lão hòa thượng Thọ Dã, ở đường Lam Đường, Hồng Kông, ở giảng đường Quang Minh giảng hai tháng. Cụ Đàm nói, cả đời của ngài chưa nghe nói có người khai ngộ, đắc định thì có, như lão hòa thượng Hư Vân là đắc định, đắc thiền định, chưa nghe nói có người khai ngộ. Trong thời đại hiện nay, lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ nói cho tôi biết, người tu thiền ngay cả đắc định cũng chưa từng nghe nói qua. Học Mật, ngài là thượng sư kim cương của Mật tông, ngài nói cho tôi biết, từ thời kháng chiến mãi cho đến ngày nay, đây là trước lúc vãng sanh ngài nói cho tôi biết, ở Trung Quốc người học Mật tông thành tựu, tam mật tương ưng chỉ có sáu người. Cho nên ngài bảo tôi, từ nay về sau học Mật và học Thiền không có cách nào nữa, không thể thành tựu. Thật sự có thể thành tựu chỉ có pháp môn niệm Phật. Cho nên khi lão nhân gia vãng sanh, thân thể không khỏe lắm, ngài niệm Phật, nói cho tôi biết, mỗi ngày ngài niệm 140.000 câu Phật hiệu, chuyên niệm A-di-đà Phật, ngày đêm không gián đoạn, mệt rồi thì nghỉ ngơi một chút, mỗi ngày 140.000 câu, khi ra đi cũng biết trước ngày giờ. Bạn xem, những bậc học Thiền, học Mật đến thời điểm then chốt thấy đều buông xuống hết, chỉ đề khởi một câu A-di-đà Phật, đây là lão nhân gia làm thị hiện cho chúng ta.

Chúng ta sanh vào thời mạt pháp, hiện nay chưa phải là cuối thời mạt pháp, mạt pháp vẫn còn 9.000 năm nữa. Trong 9.000 năm này Phật pháp có hưng, có suy, nó lên xuống như hình gợn sóng, điều này trước đây đại sư Chương Gia đã nói cho tôi nghe. Hiện nay suy đến cực điểm rồi, người chân thật tu hành có hay không? Chúng tôi tin chắc chắn có, nhưng không ai biết, có người chân thật tu. Làm sao biết được? Nếu không có người chân thật tu hành, người chân thật tu hành có phước báo lớn, chúng sanh trên địa cầu tạo nghiệp nhiều như thế, họ có thể gánh vác được, khiến địa cầu không đến nỗi bị hủy diệt, đây chính là người có phước đức lớn. Những người này chúng ta không biết, họ ở trong núi sâu, không có duyên, bạn gặp được nhưng bạn cũng không thấy được. Phật giáo tương lai vẫn sẽ hưng, sự hưng này của Phật giáo, cái hưng này không phải là Thiền, không phải là Mật, mà là Giáo. Trong Giáo, chúng ta biết được, có thể hưng thịnh nhất chính là Tịnh tông, đây là Thích-ca Mâu-ni Phật nói cho chúng ta biết trong kinh Đại Tập, đó chính là thọ ký, người hiện nay bảo là lời tiên tri, thời kỳ mạt pháp Tịnh độ thành tựu, thời kỳ chánh pháp giới luật thành tựu, thời kỳ tượng pháp thiền định thành tựu, thời kỳ mạt pháp Tịnh độ thành tựu.

Kinh điển quan trọng như vậy trong Tịnh độ, kinh Vô Lượng Thọ, là kinh điển căn bản của Tịnh tông, trước sau không có một bản tiêu chuẩn, đây là điều mà từ xưa đến nay, những người tu học pháp môn này đều cảm thấy tiếc nuối. Phiên dịch thật

nhiều, hết thấy các kinh không có kinh nào có nhiều bản dịch như kinh này, bộ kinh này được dịch tới 12 lần, từ đời Hán đến đời Bắc Tống, trong vòng 800 năm có 12 lần phiên dịch. Thế nhưng bản dịch này hiện nay lưu lại chỉ có năm loại, bảy loại đã thất truyền, rất đáng tiếc, bảy loại thất truyền. Nếu bạn đem năm bản dịch lại để xem, trong đó khác biệt rất lớn, cho nên cổ đại đức phán đoán, bản gốc không phải là một bản. Từ năm bản dịch gốc hiện nay mà xem, bản gốc tiếng Phạn ít nhất có ba loại, điều này khẳng định rằng khi Thích-ca Mâu-ni Phật còn tại thế, kinh Vô Lượng Thọ ít nhất được giảng qua ba lần, cho nên có ba phiên bản khác nhau. Thất truyền còn có bảy loại nữa, nếu như thật sự có thể tìm được bảy loại đó, vậy có thể sẽ phát hiện ra nhiều hơn. Điều này chứng minh Thích-ca Mâu-ni Phật thuở tại thế giảng kinh, mỗi kinh chỉ giảng một lần, không có giảng lần thứ hai; kinh này ít nhất giảng qua ba lần, ba lần trở lên, nhiều lần tuyên giảng, cho thấy kinh này quan trọng. Bộ kinh này có thể độ cho tất cả chúng sanh trong suốt 9.000 năm còn lại của thời mạt pháp một đời thành tựu, đây chẳng phải tuyệt vời hay sao?

Cho nên đại đức xưa nay đều có suy nghĩ phải hội tập. Người hội tập đầu tiên là cư sĩ Vương Long Thư, người đời Tống; người hội tập thứ hai là cư sĩ Ngụy Mặc Tâm trong niên hiệu Hàm Phong thời tiền Thanh; cư sĩ Hạ Liên Cư hội tập lần thứ ba. Bởi vì hội tập không dễ dàng, việc chọn lựa trong năm bản dịch gốc là đại học vấn, biên soạn cũng là học vấn. Những bản hội tập trước đây, việc chọn lựa và biên soạn đều không viên mãn cho lắm, đều có điểm đáng tiếc. Lão cư sĩ Hạ Liên Cư đã dùng mười năm công phu, hội tập đã dùng trọn ba năm, bế quan ba năm, chỉnh lý thành một bản hội tập. Sau đó có thời gian bảy năm, làm mười lần sửa đổi và hiệu đính, đây là bản chính thức cuối cùng, bản mà chúng ta thấy hiện nay là bản chính thức cuối cùng. Thế nhưng bản thảo mà ngài đã biên soạn ra đầu tiên, chúng ta vẫn còn tìm được, bản đầu tiên, chính là bản hội tập được hoàn thành sau ba năm bế quan. Bản thảo này sắp tới chúng tôi cũng sẽ in ra, lưu lại cho các đồng học làm kỷ niệm. Bản gốc là 37 phẩm, bản hiện nay của chúng ta đang đọc là 48 phẩm. Trong lời tựa, cụ Mai Quang Hy cho biết, lão pháp sư Từ Châu năm xưa đã giảng qua bản hội tập ở Bắc Kinh, cũng từng giảng ở Tế Nam, hơn nữa còn soạn khoa phán, đó là bản 37 phẩm năm đó, không phải là bản hiện tại. Chúng tôi từ việc đối chiếu hai bản này mà xem, biết được lão cư sĩ Hạ Liên Cư đã thật sự dụng tâm khổ nhọc, thấy ra được lòng kiên trì của ngài, thấy ra được cảnh giới của ngài, cũng như trình độ văn học của ngài, cuối cùng đã biên soạn thành một bản kinh viên mãn cho chúng ta, soạn thành một bản kinh tiêu chuẩn này.

Ngài đã giảng qua, giảng qua một lần. Học trò ngài là lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, ngài ấy cũng giống như A-nan, nghe thầy giảng qua, hơn nữa còn ghi bút ký tỉ mỉ. Ngài bảo tôi, trong khoảng thời gian cách mạng văn hóa, ghi chép của ngài bị mất rồi. Cho nên viết bản này là hoàn toàn dựa vào ký ức, tham khảo hơn một trăm loại kinh luận chú giải, trích dẫn những lời chú giải trong ấy, biên soạn thành một bản chú giải kinh hoàn thiện. Chúng ta có phước báo, có duyên phận, ngày nay có thể gặp được, vô cùng không dễ dàng. Tôi với bộ kinh này quả thật có duyên phận, vừa thấy liền hoan hỷ, hết sức hoan hỷ. Trong quá khứ đã giảng qua mười lần, đây là lần thứ 11, lần thứ 11 quyết định chọn Chú Giải của kinh Vô Lượng Thọ, giảng chú giải của ngài, chúng ta đối với lý giải của Tịnh tông sẽ càng thâm nhập hơn, phát nguyện cầu sanh Tịnh độ, cái nguyện này mới có thể phát ra được, sẽ không còn nghi hoặc nữa, thâm nhập một môn, huân tu lâu dài, đâu có đạo lý không thành tựu! Người trẻ tuổi, hạ quyết tâm dùng thời gian mười năm, trừ bỏ hết thầy khó khăn. Khó khăn là gì? Chính là bỏ đi vọng niệm, chuyên tâm dốc sức nơi một môn, sau mười năm bạn chính là đệ tử truyền thừa Tịnh tông của Thế Tôn. Đệ tử truyền thừa Tịnh tông chính là đệ tử bậc nhất của Thích-ca Mâu-ni Phật, Kiều-trần-như ở chỗ này biểu pháp, như vậy chúng ta đến thế gian này thật sự là đời này xứng đáng rồi. Làm những việc khác đều là giả, làm việc này là thật.

Hãy hết lòng học tập cư sĩ Lưu Tô Vân, bà đã đem lại lòng tin cho mọi người chúng ta. Bà ấy là 55 tuổi mới bắt đầu học Phật, khi học Phật duyên phận cũng vẫn không tệ, một đồng tu tặng cho bà ta một bộ đĩa CD giảng kinh Vô Lượng Thọ. Chắc là vào năm 1999 khi tôi giảng tại Singapore, 60 tiếng đồng hồ, tôi đã giảng một tháng, mỗi ngày hai tiếng đồng hồ, khi đó là dùng băng cassette để thu, ghi âm bằng băng cassette. Sau này làm thành đĩa từ, tức CD, bên trong không có hình ảnh. Bà nói cho tôi biết, bà chỉ học bộ kinh này, niệm một câu A-di-đà Phật này, mười năm như một ngày. Mỗi ngày nghe kinh 10 tiếng, bà nghe như thế nào? Chỉ nghe một đĩa, chính là nghe băng giảng một tiếng, nghe một đĩa, nghe mười lần. Công việc bận rộn, ít nhất cũng nghe bốn lần, không hề ít hơn bốn lần, bình thường thời gian mỗi ngày đều là 10 lần. Tín tâm nguyện tâm của bà từ chỗ này phát khởi, tín giải hành chúng, bà làm được rồi. Nghĩa lý trong kinh biến thành tư tưởng của chính mình, những lời giáo giới trong kinh biến thành hành vi của chính mình. Năm nay bà 65 tuổi, 10 năm. Bạn mời bà ấy giảng kinh Vô Lượng Thọ, bà đều không cần dùng đến cuốn kinh, giảng cho bạn đâu đâu cũng là đạo, mỗi ngày giảng tám tiếng hay mười tiếng, bà không hề mệt nhọc.

Trước đây chúng tôi không quen biết, không biết đến người này. Là vào năm ngoái tôi đang chữa răng tại Đài Loan, có một đồng tu gửi cho tôi một đĩa CD, là phim tài liệu, phim tài liệu do truyền thông quay, dài nửa tiếng đồng hồ, chính là đĩa CD về Lưu Tố Vân. Người ta phỏng vấn tin tức, không phải đến phỏng vấn bà, đến địa phương đó, nghe nói có một người như thế, mắc bệnh lupus ban đỏ, vô cùng nghiêm trọng, làm sao niệm Phật lại khỏi bệnh, cảm thấy rất lạ lùng, liền đến phỏng vấn bà, phỏng vấn nửa tiếng đồng hồ. Tôi xem đĩa CD này, tôi cảm thấy rất kinh ngạc, cũng vô cùng bội phục, bà dụng công vô cùng đúng pháp. Học Phật, bà thật sự nhập vào cảnh giới rồi, bà không để tâm đến bệnh tật, mọi người đều lo lắng thay cho bà, bà ngày nào cũng vui vẻ, mỗi ngày nghe kinh niệm Phật không gián đoạn. Bác sĩ bảo bà bệnh này không có cách nào chữa trị được. Tốt, không có cách nào chữa thì khỏi cần chữa nữa, về nhà niệm Phật, bà niệm đến mức khỏi bệnh. Bác sĩ bảo bà, cho dù có khỏi bệnh, những vết sẹo này trên mặt của bà, vết sẹo là chắc chắn không thể mất đi. Kết quả là bác sĩ gặp mặt bà, vết sẹo cũng không còn nữa, ông ấy liền hỏi, bà bôi thuốc gì vậy? Làm sao ngay cả vết sẹo cũng không có? Bà đáp tôi không bôi gì hết, cái gì cũng không bôi. Nói với ông ấy, khi kết hôn có mua hai lọ Tuyết Hoa Cao, để bôi chân, chưa hề bôi lên mặt. Bà nói, niệm Phật được khỏi bệnh, bác sĩ tin tưởng. Tại vì sao tin tưởng? Người này cả đời không nói dối, thật sự khó được, cả đời không nói dối. Còn có một ưu điểm, cả đời không có tâm danh lợi, người ta đều là tranh danh đoạt lợi, bà đối với danh lợi vô cùng xem nhẹ. Cho nên tôi cảm thấy bà trong quá khứ là một người tu hành, bà có thiện căn sâu dày đến như vậy. Bà thị hiện phương pháp cho chúng ta thấy, 10 năm thành công rồi, bà đã thành công với một bộ kinh Vô Lượng Thọ này, học tập bất kì kinh điển nào một chút khó khăn cũng không có, đúng như Phật pháp đã nói “một kinh thông, hết thấy kinh thông”, đây là một tấm gương tốt.

Từ ví dụ này chúng ta liền biết được, Phật pháp về sau sẽ rất hưng vượng. Tại vì sao? Ví dụ này một khi được nêu ra, học tập kinh giáo không khó! Chỉ cần một bộ kinh, nỗ lực học 10 năm, chẳng phải là sẽ quán thông sao? Nếu bạn muốn mọi người cùng học, chúng ta lập một viện Phật học, thành lập lớp Phật học, vậy phải có phước báo lớn. Bản thân chúng ta có phước báo, chúng sanh cũng phải có phước báo, chúng sanh không có phước báo thì không thể thành công, cho nên nhân duyên có được không dễ dàng. Cả đời này của tôi, mấy lần để lỡ mất duyên phận, thật chẳng biết làm sao, trong tâm tôi hiểu rõ, không có cách nào. Lần đầu tiên, duyên phận của tôi với pháp sư Tinh Vân. 40 năm trước, Phật Quang Sơn vừa mới thành lập, trên núi này chỉ có một viện Phật học, Học viện Phật giáo Đông Phương, ngài mời tôi làm

chủ nhiệm giáo vụ, khi đó học trò là 130 người. Ý của tôi là đem 130 người này phân thành các nhóm, ba người một nhóm, phân thành 40 nhóm, mỗi một nhóm chuyên học một bộ kinh, thâm nhập một môn, huân tu lâu dài. Vậy 40 nhóm này là 40 bộ kinh, học suốt 10 năm, không thể nói là 130 người đều thành tựu, một phần ba, một phần ba là 40 người, mỗi người đều là chuyên gia của một bộ kinh. Bạn nói một bộ kinh Di-đà học suốt mười năm, vậy người này là ai? A-di-đà Phật tái lai. Vậy thì nhóm nhỏ ba người khác học phẩm Phổ Môn, học suốt mười năm, Quán Thế Âm Bồ-tát tái lai. Chọn ra mười bộ kinh, nếu như nói là chúng ta cả đời chẳng rời khỏi Phật Quang Sơn, những năm này, biết bao nhiêu nhân tài hoằng pháp như thế, có thể nói đều là người tột đỉnh. Ai tu một bộ kinh mười năm? Đều là đỉnh cao, đó thật là Phật quang chiếu khắp toàn cầu. Hết sức đáng tiếc, kiến nghị này của tôi đã không được pháp sư Tinh Vân chấp nhận. Ông bảo tôi rằng, như vậy không giống với trường học. Lúc đó tôi thưa với ông, trường học chưa chắc đã sanh ra nhân tài, nhưng cách làm truyền thống này của Trung Quốc là sanh ra nhân tài. Vì sao vậy? Tôi ở dưới hội của lão cư sĩ Lý Bình Nam mười năm, chính là học theo phương pháp cũ. Thầy Lý là dùng phương pháp dạy tư thực, có hiệu quả! Một bộ kinh, giảng xong lần thứ nhất thì giảng lần thứ hai, giảng xong lần thứ hai thì giảng lần thứ ba, tuyệt đối không dùng cùng một bản thảo của bài giảng, mỗi lần tự mình đều phải tích cực chuẩn bị, mười lần, nên tảng được đặt xuống vững chắc. Mười năm đó phải giảng, mười năm ít nhất phải giảng bốn, năm chục lần, nhuần nhuyễn rồi, người xưa nói là thuần thực sanh khéo léo, đâu có đạo lý không thể thành công! Nếu bạn lại có thể cắm vững bốn cái rễ, Phật pháp sẽ hưng vượng trở lại, sẽ lại quay về thời thịnh thế. Duyên phận đầu tiên này, rất đáng tiếc, tôi đã rời khỏi Phật Quang Sơn.

Duyên phận thứ hai, quán trưởng Hàn vãng sanh. Trước khi bà vãng sanh chúng tôi có sự chuẩn bị này, muốn mở một lớp dẫn dắt hai, ba mươi đồng học chuyên tu. Không ngờ rằng, sau khi bà mất, con cái bà đối với việc này không có hứng thú, chúng tôi cũng cảm thấy phước đức nhân duyên của chính mình không đủ. Lần thứ hai này, chúng tôi cũng thất vọng rồi. Lần thứ ba là ở Singapore, Cư sĩ lâm của cư sĩ Lý Mộc Nguyên. Đầu tiên chúng tôi làm thí nghiệm, mở lớp ngắn hạn, thời gian ba tháng. Lớp học này đã dạy được năm kỳ, rất có thành tích, chúng tôi đầy đủ lòng tin, muốn mở lớp Phật học dài hạn, ba năm đến năm năm. Thế nhưng lại có một người, có người phá hoại ở bên trong, chúng tôi không thể không rời khỏi Singapore. Chúng tôi không thể trách bất cứ người nào, đây là duyên phận của Phật pháp. Duyên phận Phật pháp nên ở chỗ nào, chúng tôi không biết, chúng tôi là phạm phu tục tử. Tới Úc, chúng tôi đến Úc được mười năm rồi, Học viện Tịnh tông thành lập mười

năm rồi. Hoàn cảnh tu học này đã ổn định, thế nhưng những đồng học sống ở bên trong, bất luận xuất gia hay tại gia không làm theo lời dạy. Bây giờ có thể quản giáo được không? Không thể. Thời đại này bây giờ, thời đại lớn, hoàn cảnh lớn, là dân chủ tự do mở cửa, chúng ta chỉ có thể khuyến bảo, không thể yêu cầu quá mức. Khuyến bảo mọi người chuyên công một môn, thâm nhập một môn, huân tu lâu dài, khuyến mọi người cầm ba cái rế, bốn cái rế. Họ cũng đang học, học tạp loạn, không có học một thứ. Nếu học một thứ, mười năm chắc chắn thành công, không thua kém cư sĩ Lưu Tố Vân.

Cho nên cư sĩ Lưu đã làm ra một tấm gương tốt nhất cho chúng ta. Chỉ cần chân thật học, có một bộ CD, có một bộ băng ghi âm là được. Thật sự buông xuống danh văn lợi dưỡng, buông xuống hưởng thụ đối với ngũ dục lục trần, không sợ chịu khổ, ai nấy đều thành tựu. Điểm mạnh của cư sĩ Lưu Tố Vân, có thể chịu khổ, có thể trì giới, đây là điều mà người bình thường không dễ gì làm được, bà đều đã làm được. Tôi nghe bà nói trong CD, bà có một người bạn thân, bà mời người bạn thân ấy dùng cơm, chỉ có một món ăn, giá đồ xào đậu phụ thái chỉ, chỉ một món. Người bạn của bà nói, bà mời tôi đến, ăn món này sao? Đúng vậy. Bà nói như vậy đủ không? Không đủ ăn thì xào thêm một chút nữa. Vẫn là món này sao? Đúng vậy, vẫn là món này. Bạn liền hiểu được, bình thường bà ăn cơm chỉ có một món, đơn giản, không lãng phí thời gian, thứ quý báu nhất là thời gian. Không thể chịu khổ, vậy thì không được, trì giới chịu khổ, thâm nhập một môn, huân tu lâu dài, đây là bí quyết thành công, bí quyết để hộ trì chánh pháp trụ lâu dài, chúng ta không thể không lưu ý.

Chúng ta tiếp tục xem đoạn bên dưới, *“đều là thượng thủ, nay gọi vị thủ tọa là thượng thủ”*. Hiện nay trong cửa Phật gọi hòa thượng thủ tọa là thượng thủ. *“Số lượng thượng thủ trong các bộ kinh là không giống nhau. Ví dụ như kinh Xưng Tán Tịnh Độ Phật Nhiếp Thọ, trong số 1.250 vị đại tỳ-kheo, đã nêu ra bốn vị là Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên, Đại Ca-diếp, A-nê-luật-đà làm thượng thủ. Còn kinh này lấy năm vị như Kiều-trần-như v.v. làm thượng thủ, đây là bậc thượng thủ trong những đại tôn giả ‘hết thấy đại thánh, đã đạt thần thông’.*” Đây là giới thiệu đặc biệt một chút, kinh Xưng Tán Tịnh Độ Phật Nhiếp Thọ này chính là kinh A-di-đà, do đại sư Huyền Trang phiên dịch. Bản dịch của đại sư Cưu-ma-la-thập có 16 vị tôn giả, liệt kê tên của 16 vị, bản dịch của đại sư Huyền Trang chỉ kể tên 4 vị. Đây là người dịch kinh, chúng ta phải biết, bản gốc của kinh A-di-đà, Cưu-ma-la-thập và Huyền Trang có lẽ là dịch từ cùng một bản gốc, ý nghĩa trong đó giống nhiều khác ít. Đây là thượng thủ của chúng Thanh văn, chúng Thanh văn đều là đại A-la-hán. Chữ đại đó, đại tỳ-kheo, đại A-la-hán, chữ đại đó là mấu chốt, đại là gì? Đại thừa. A-la-hán Tiểu thừa,

là tứ quả của Tiểu thừa, A-la-hán Đại thừa là Bồ-tát Pháp Vân Địa. Bởi vì A-la-hán dịch sang nghĩa Trung Quốc là vô học, chính là họ đã học xong khóa trình, tốt nghiệp rồi. Vô học của Tiểu thừa, gọi là A-la-hán; vô học của Đại thừa cũng gọi là A-la-hán, A-la-hán chính là ý nghĩa của vô học, nhưng vô học của Đại thừa là Bồ-tát Thập địa, Bồ-tát Pháp Vân Địa, gọi là đại A-la-hán. Cho nên kinh này là kinh Đại thừa, bạn đọc thấy đại A-la-hán, ý nghĩa đó liền không giống nhau.

Chúng ta tiếp tục xem đoạn dưới đây, “*dựa theo câu ‘hết thấy đại thánh, đã đạt thần thông’*”, câu này, “*vốn là tán thán đức của Bồ-tát*”, hai câu này vốn dĩ là tán thán Bồ-tát. “*Như kinh Mật Tích Kim Cang Lực Sĩ ghi: Cùng với 42.000 chúng đại tỳ-kheo, 84.000 Bồ-tát, hết thấy đại thánh, đã đạt thần thông.*” Đây là tham khảo lời Phật nói trong các bộ kinh khác. “*Nay trong kinh này dùng lời tán thán công đức của Bồ-tát, để tán thán Thanh văn.*” Những lời tiếp theo quan trọng, “*chính là biểu thị các vị thánh chúng thường theo, vốn là Pháp thân đại sĩ, ẩn bản hiển tích*”. Những vị này là người như thế nào? Người Trung Quốc xưa nói, nói rất hay, nói “*một Phật ra đời, ngàn Phật ủng hộ*”. Giống như diễn kịch, người này đóng vai chính, người kia đóng vai phụ, không có vai phụ diễn thì vở kịch này diễn không hay. Duyên của Thích-ca Mâu-ni Phật đã chín muồi, ngài đến thế gian này thị hiện thành Phật đóng vai chính, vai phụ thì sao? Vai phụ có thể là thầy của ngài, có thể là giống như ngài, đều đã thành Phật, đó gọi là cổ Phật tái lai, là sự thật. Trong giáo pháp Đại thừa, Phật đã nói ra cho chúng ta, Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên kiếp lâu xa đã thành Phật rồi, đây là đến tham gia pháp hội của Thích-ca Mâu-ni Phật, đến nơi này tạm thời đóng một vai diễn, làm học trò của Thích-ca Mâu-ni Phật, thật sự là đại thánh, đều không phải là tiểu thánh, giống như Bồ-tát Đẳng giác, Bồ-tát Thập địa thì quá nhiều.

Cho nên trong hội này, làm gì có phạm phu thật sự? Còn có hộ pháp thời Phật tại thế, những vị cư sĩ tại gia này, cũng có rất nhiều chư Phật Bồ-tát tái lai. Hoằng pháp và hộ pháp đều là người trong nghề, không phải là người trong nghề thì không được. Do vậy chúng ta liền thể hội được, khu vực Ấn Độ lúc bấy giờ, phước báo của cư dân nơi đó lớn đến mức nào, cảm được chư Phật Bồ-tát giảng lâm, tuyên nói diệu pháp cho chúng sanh. Đặc biệt là pháp môn này, tiếp dẫn đại chúng, một đời viên mãn thành tựu, pháp môn này đến đâu để tìm? Cho nên những vị này vốn dĩ là Pháp thân đại sĩ, giống như kinh Hoa Nghiêm nói, 41 giai vị Pháp thân đại sĩ, họ ẩn bản, ẩn giấu quả vị sẵn có của chính mình; hiển tích là biểu diễn, hóa thân vào một vai diễn ở trên sân khấu, ẩn bản hiển tích. “*Hoặc thánh chúng phương khác giúp Phật hoằng hóa, làm ảnh hưởng chúng.*” Điều này cũng có, Phật từ thế giới phương khác thấy Thích-ca Mâu-ni Phật thị hiện thành Phật ở nơi đây, cũng đến góp mặt cho thêm

phần náo nhiệt, đến đóng một vai diễn nào đó. Đóng vai diễn nào thì không nhất định, có vị đóng vai tỳ-kheo xuất gia, có vị đóng vai Bồ-tát tại gia, không nhất định, đúng là nên dùng thân gì để độ thì họ liền hiện thân đó, đều là giúp đỡ Thích-ca Mâu-ni Phật giáo hóa chúng sanh, đây gọi là ảnh hưởng chúng.

“Hết thấy đại thánh, là chỉ bốn địa của họ, vốn dĩ là người đạt đến bồ-đề cứu cánh.” Bồ-đề cứu cánh, người đã chứng được quả vị Diệu giác. Trong kinh Hoa Nghiêm thì đây là địa vị cao nhất của Bồ-tát, là Diệu giác, cao hơn một cấp so với Đẳng giác, đây là bồ-đề cứu cánh. *“Đã đạt thần thông”*, đây là *“thị hiện dấu tích phương tiện”*, thần thông biến hóa, các ngài ở trong hội, các ngài là thân phận Thanh văn. Bạn xem thử, bốn người trước là chứng đắc địa vị A-la-hán, A-nan là Sơ quả Tu-đà-hoàn, đây là những vai biểu diễn khác nhau, *“du hí thần thông đến cõi này”*. Những người này đều có duyên với chúng sanh thế giới Ta-bà, không có duyên thì không đến, đều có duyên. Cho nên chúng sanh có cảm, các ngài đều đến, cùng theo Thích-ca Mâu-ni Phật đến đây. *“Cho nên biết rằng chúng Thanh văn được nêu tên ở đây, đều là đại quyền thị hiện, trợ giúp Thế Tôn khai hiển pháp môn Tịnh độ vậy.”* Ý nghĩa này nhất định phải hiểu, cho nên đọc kinh bạn không thể không hiểu rõ quyền thị, không thể không hiểu rõ ẩn hiện, ẩn bốn hiện tích, chữ *“hiển tích”* này chính là hiện tích.

“Tổng kết năm vị thánh trên”, sau khi giới thiệu riêng biệt, ở đây gộp chung lại để nói, chúng ta xem năm vị này trong phần trước. *“Liễu Bốn Tế”*, đây là tôn giả Kiều-trần-như, *“nghĩa là hiểu rõ nguồn gốc lâu xa, cho nên xếp đầu tiên”*. Liễu là hiểu rõ, bốn tế chính là bốn tánh, liễu bốn tế chính là điều mà người Trung Quốc gọi là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật. Kiến tánh là Phật thật, không phải Phật giả. Người kiến tánh, người đó thoát khỏi mười pháp giới, còn ở trong ranh giới của mười pháp giới, vậy thì chưa giác ngộ, chưa kiến tánh, kiến tánh thì đã thoát khỏi. Họ vẫn ở lại trong mười pháp giới, đó gọi là đại quyền thị hiện, giống như những vị này, ẩn bốn hiện tích, đây là thật chứ không phải là giả. Chư vị nhất định phải biết, Phật thường nói trong kinh Đại thừa là *“tướng chuyển theo tâm, cảnh chuyển theo tâm”*, tâm đó của bạn vừa chuyển thì họ chính là pháp thân Bồ-tát. Thân tướng của pháp thân Bồ-tát, trong giáo pháp Đại thừa chúng ta thấy được, *“thân có vô lượng tướng, tướng có vô lượng vẻ đẹp”*, không phải là 32 tướng 80 vẻ đẹp. Hoàn cảnh cư trú của họ, cõi Thật báo trang nghiêm, nhất chân pháp giới, không phải là uế độ.

Những người minh tâm kiến tánh này, như Thích-ca Mâu-ni Phật, khi còn tại thế, cùng sống với chúng ta, chúng ta thấy họ, giống hệt như chúng ta, chẳng có gì

khác biệt. Không giống nhau, phàm phu mắt thịt chúng ta thấy Phật Bồ-tát đều là phàm phu mắt thịt, Phật Bồ-tát thấy chúng ta thấy đều là Phật Bồ-tát, mỗi người có cách nhìn khác nhau. Vì sao vậy? Chư Phật Bồ-tát thấy tự tánh của chúng ta, tự tánh của bạn là Phật; chúng ta nhìn Phật Bồ-tát không thấy được tánh của các ngài, chỉ thấy tướng của các ngài, chấp tướng, cho nên các ngài chẳng khác gì với phàm phu chúng ta. Mỗi ngày ăn cơm, đi ra bên ngoài khát thực, người ta cho gì ăn nấy, đây là những gì chúng ta thấy được, chúng ta không có cách nào hiểu rõ các ngài. Các ngài ra ngoài xin được một bát cơm, cơm này không dễ ăn cho lắm, có thể là từ một người ăn xin, người ăn xin đó ra ngoài xin được một chút đồ ăn, trong kinh A-hàm thường xuyên có nói, cơm này như thế nào? Thiu rồi, hư rồi, bốc mùi rồi. Người ăn xin rất đáng thương, xin được một chút đồ ăn, gặp được Phật, Phật có phước báo, liền mang bát cơm này cúng dường Phật, họ tu phước. Phật cũng rất hoan hỷ, ăn ngay trước mặt người đó, chúc phúc cho người đó. Cơm này người bình thường không ăn nổi, Phật có thể ăn. Phật ăn vào là mùi vị gì? Thức cúng của bếp trời. Tại vì sao? Cảnh chuyển theo tâm. Tâm của người ăn xin đó là ô nhiễm, nó dơ bẩn; khi dâng lên Phật, thân tâm Phật thanh tịnh, món đồ đó liền biến thành thứ tốt đẹp nhất, đây là thật, đây không phải giả, thần thông diệu dụng. Chúng ta nhìn thấy Phật ngồi dưới cây bồ-đề, dưới cây trái lớp cỏ, ngồi thiền ở đó. Bồ-tát nhìn thấy không phải vậy, phía trên có lọng báu, phía dưới là tòa báu kim cương, thân tướng của Phật không phải là 32 tướng, thân có vô lượng tướng, mỗi tướng có vô lượng vẻ đẹp, các ngài thấy như vậy. Cảnh chuyển theo tâm, tướng do tâm sanh, chúng ta thấy điều này rất nhiều trong kinh luận, dần dần thể hội được, đây là thật chứ không phải giả. Cho nên, ở đây tôn giả Kiều-trần-như đại biểu minh tâm kiến tánh, ở trong bộ kinh này, đó chính là nói bộ kinh này là kinh điển để minh tâm kiến tánh trong một đời. Đời này quả thật chúng ta chưa có minh tâm kiến tánh, nhưng vãng sanh đến thế giới Cực Lạc thì minh tâm kiến tánh. Tổ sư đại đức đã nói cho chúng ta biết, “chỉ cần thấy Di-đà, lo gì không khai ngộ”, làm gì có đạo lý không khai ngộ! Liệt kê ở vị trí đầu tiên, để cho chúng ta sanh khởi lòng tin, đối với Tịnh tông sanh khởi lòng tin, sanh khởi tâm nguyện.

“Thân Tử trí tuệ đệ nhất”, Thân Tử là Xá-lợi-phất, “biểu thị cho Phật trí của Di-đà, trí không thể nghĩ bàn, trí không thể xưng tán, trí Đại thừa rộng lớn, trí thù thắng tối thượng, không gì sánh bằng, trí này là sâu rộng không bờ bến”. Đây là đại biểu điều gì? Đại biểu trí tuệ bát-nhã viên mãn vốn đầy đủ trong tự tánh. Ở nơi đâu? Ở trong bộ kinh này. Nếu chúng ta muốn khai phát ra trí tuệ bát-nhã vốn đầy đủ trong tự tánh của chính mình, thì kinh này chính là một phương pháp. Trí tuệ này chính là Thế Tôn đã nói trong kinh Hoa Nghiêm, “hết thảy chúng sanh đều có trí tuệ đức

tướng của Như Lai”. Năm loại trí được nói đến ở đây là trí tuệ vốn có của Như Lai, nói Như Lai chính là nói tới tự tánh của chúng ta, trong tự tánh của chúng ta vốn có năm loại trí tuệ viên mãn này. Năm loại trí tuệ để lại giảng trong phần sau, cho nên ở đây không có thêm chú giải, phần sau sẽ có.

“*Mục-liên thân thông đệ nhất, hiển thị thế nguyện du hí thân thông.*” Bồ-tát ở nhân địa đều từng phát nguyện, “chúng sanh vô biên thế nguyện độ”, muốn độ chúng sanh, bạn không có năng lực thì bạn không độ được, có trí tuệ còn phải có năng lực, năng lực ở đây được biểu hiện ra chính là thân thông. Thân là không có chướng ngại, trong kinh Hoa Nghiêm nói về bốn loại vô ngại, lý vô ngại, sự vô ngại, lý sự vô ngại, sự sự vô ngại, đây là thân thông; thông là thông đạt, hợp lại là pháp giới không chướng ngại, bạn mới có thể phổ độ chúng sanh, mới có thể thực hiện được tứ hoằng thế nguyện đã phát trong nhân địa. Trong lục đạo, trong mười pháp giới, nên dùng thân gì để độ thì bạn có thể hiện thân đó, hiện thân vô ngại; nên dùng phương pháp gì để giúp họ giác ngộ thì liền dùng phương pháp đó, thân không phải là thân nhất định, pháp cũng không có pháp cố định, sống động linh hoạt. Giống như trong kinh Lăng-giêm nói, Bồ-tát hiện thân, “tùy tâm chúng sanh mà ứng với khả năng lĩnh hội của họ”, chính các ngài không có thân, chúng sanh thích thân gì thì các ngài liền hiện thân đó. Chúng sanh mong Phật đến độ họ, hoặc là Bồ-tát đến độ họ, các ngài liền thuận theo mong muốn của bạn mà hiện thân. Bạn hoan hỷ! Như vậy mới dễ được độ, không hoan hỷ thì khó lắm.

“*Đại Âm Quang*”, đây là tôn giả Ca-diếp, Đại Ca-diếp, “*Hiển thị ánh sáng thù thắng của Di-đà, không gì không soi chiếu, ánh sáng tôn quý nhất, vua trong các vị Phật*”. Hai câu nói này là Thế Tôn tán thán A-di-đà Phật đến cực điểm. Chúng ta biết, Phật Phật bình đẳng, trong pháp bình đẳng, Thế Tôn còn tán thán A-di-đà Phật như thế này: ánh sáng tôn quý nhất, vua trong các vị Phật. Đại Âm Quang, 91 kiếp trước trong quá khứ, dùng vàng ròng cúng dường Phật, dát vàng lên tượng Phật, cảm được ánh sáng sắc vàng trong 91 kiếp, mang ý nghĩa này, hiển thị ánh sáng thù thắng của A-di-đà Phật.

“*Lại nữa, Ca-diếp là sơ tổ của Thiên tông, A-nan là nhị tổ*”, ở trong Thiên tông, Thiên tông do Thích-ca Mâu-ni Phật truyền cho Ma-ha Ca-diếp, tôn giả Ca-diếp lại truyền cho A-nan. A-nan là sơ tổ của Giáo hạ, nhị tổ của Thiên tông. “*A-nhã Kiều-trần-như biểu thị bốn tế của mỗi người*”, bốn tế là bốn tánh, biểu thị cho bốn tánh của chính chúng ta. “*Xá-lợi-phất biểu thị trí tuệ vốn đầy đủ của chúng sanh*”, trong kinh nói tới năm loại trí tuệ viên mãn. “*Mục-liên tức là thân thông vốn có của chúng sanh*”, bạn thấy thấy đều là quay trở về tự tánh. “*Âm Quang đại biểu ‘linh*

quang độc diệu, huýnh thoát căn trần””, hai câu nói này là của Thiên tông, linh quang chính là trí tuệ trong tự tánh, căn là sáu căn, trần là sáu trần, huýnh là xa, vĩnh viễn thoát khỏi sáu căn sáu trần, đây chính là thoát khỏi mười pháp giới. “*Khánh Hỷ biểu thị sự vui sướng trong cuộc đời, tâm tâm tiếp nối nhau.*” Gặp được Phật pháp thì hoan hỷ, tin nhận vâng làm thì hoan hỷ, chứng đắc bồ-đề vô thượng thì hoan hỷ, niệm niệm tiếp nối nhau, chánh pháp thường trụ thế gian, vĩnh viễn không đứt đoạn.

Khi pháp vận của Thích-ca Mâu-ni Phật kết thúc, 12.000 năm này, thực ra mà nói thì thời gian chẳng phải là dài, 12.000 năm thì Phật pháp kết thúc, không còn nữa. Vị Phật tiếp theo, vị Phật thứ năm, Bồ-tát Di-lặc đến thế gian này để thành Phật, khi nào ngài mới xuống? Trong bản chú giải này của cụ Niệm Tổ cũng có, 576 triệu năm sau, Bồ-tát Di-lặc mới đến thế gian này thành Phật. Cho nên bây giờ có người nói, Bồ-tát Di-lặc đã nắm quyền cai quản, đó là nói dối, không phải là thật, không có đạo lý này. Cách tính toán thời gian như thế nào? Tính theo trời Đâu-suất, một ngày ở trời Đâu-suất bằng 400 năm ở nhân gian, chênh lệch thời gian này rất lớn, một ngày ở trời Đâu-suất bằng 400 năm ở nhân gian. Một năm, cũng giống như chúng ta, bởi vì nó tính theo độ số của vòng tròn, 360 độ, 360 ngày là 1 năm. Tuổi thọ của họ dài bao nhiêu? 4.000 tuổi, 4.000 tuổi của trời Đâu-suất. Bạn cứ từ từ mà tính, tính ra thời gian này khớp với thế gian này của chúng ta, là 576 triệu năm, lúc đó ngài mới đến. Trong khoảng thời gian rất dài này không có Phật pháp, không có Phật pháp thì con người rất khổ, cho nên Phật từ bi đến cực điểm, không có Phật, tìm một vị Phật đại diện, có một vị Phật đại diện, vị Phật đại diện này là ai? Đại Nguyên Địa Tạng Vương Bồ-tát. Thời gian Bồ-tát Địa Tạng Vương độ chúng sanh còn dài hơn Phật, Thích-ca Mâu-ni Phật độ chúng sanh mới là 12.000 năm. Bạn hãy xem, Địa Tạng Vương độ chúng sanh phải trải qua thời gian bao lâu? Phạm là Phật không xuất thế, hết thấy đều do Bồ-tát Địa Tạng đại diện. Cho nên phần mở đầu của kinh Địa Tạng, bạn thấy thật sự náo nhiệt, kinh này không sánh bằng, kinh Hoa Nghiêm cũng không sánh bằng, mười phương hết thấy chư Phật đều tới, đều tham gia pháp hội. Tại vì sao? Những vị Phật đó trong quá khứ đều là học trò của Bồ-tát Địa Tạng, học trò không quên ơn thầy, ngày hôm nay thầy mở pháp hội, lẽ nào lại không đến? Đã thành Phật cũng cần phải đến, trang nghiêm đạo tràng. Cho nên pháp hội Địa Tạng là trang nghiêm thù thắng không gì bằng.

“*Vì vậy, một bộ Đại kinh đúng là phó pháp truyền tâm*”, bốn chữ này rất quan trọng! Ngày hôm nay chúng ta tiếp nhận được bản kinh này, thì tương đương với việc Thích-ca Mâu-ni Phật đem diệu pháp vô thượng truyền cho bạn. Phó pháp này là A-nan, người truyền Giáo. Truyền tâm chính là của Thiên tông, tôn giả Ca-diếp.

Trao bộ kinh này cho bạn, pháp và tâm đều truyền cho bạn rồi, đó chính là Tông môn Giáo hạ thấy đều truyền cho bạn rồi. “*Một câu danh hiệu, trực tiếp hiển lộ diện mạo vốn có.*” Diện mạo vốn có là gì? Thường tịch quang! Vô lượng thọ. Câu danh hiệu này, trong kinh Di-đà, Phật nói rõ ý nghĩa mà nó biểu thị là vô lượng quang, vô lượng thọ, vô lượng quang là Thường tịch quang, vô lượng thọ là không sanh không diệt, chính là điều mà đại sư Huệ Năng khi khai ngộ đã nói, “nào ngờ tự tánh, vốn không sanh diệt”, vốn không sanh diệt là vô lượng thọ. Một câu A-di-đà Phật này mấy ai nhận thức? Người niệm rất nhiều, không nhận thức. Thật sự nhận thức rồi thì bạn sẽ quyết chí nơi một câu Phật hiệu này, bạn thật sự là buông xuống vạn duyên. Một câu Phật hiệu này chính là bản tánh của bạn, chính là kinh giáo mà hết thầy Như Lai đã nói, điều này tôi đã giảng rất rõ ràng trong hội Hoa Nghiêm, một chút cũng không giả, là sự phân tích của các tổ sư đại đức xưa nay. Mười phương ba đời hết thầy chư Phật Như Lai, độ vô lượng vô biên chúng sanh, nói vô lượng vô biên Phật pháp, cuối cùng tất cả những gì đã nói chỉ là một câu A-di-đà Phật, tổng kết.

“*Ngay đây mà hiểu ra được, mới gọi là hổ mọc thêm sừng.*” Đây là một loại phương tiện khéo léo mà tổ sư tiếp dẫn người học Thiền tông, cần phải biết. Tại sao tổ sư lại nói như vậy? Hình như là đại sư Vĩnh Minh Diên Thọ nói, đúng rồi, nói trong Tứ Liệu Giản. Đại sư Vĩnh Minh Diên Thọ đại triệt đại ngộ trong Thiền tông, quay trở lại chuyên tu Tịnh độ, chuyên niệm A-di-đà Phật, ngài là tổ sư đời thứ sáu của Tịnh độ tông, Lục tổ của Tịnh độ tông, ngài là A-di-đà Phật tái lai. Bạn xem, thời đó thiền phong vô cùng hưng thịnh, xem thường tu Tịnh độ, ngài đến biểu diễn, trước hết là tu Thiền, trong Thiền đại triệt đại ngộ, sau đó tu Tịnh. Ý nghĩa này là muốn nói với người khác điều gì? Tịnh còn thù thắng hơn Thiền, làm sao có thể xem thường cho được? Cho nên ngài khuyên những người tu Thiền này, “có Thiền có Tịnh độ, như hổ mọc thêm sừng”. Bạn tu Thiền, lại cộng thêm Tịnh, vậy thì tuyệt vời rồi, vốn dĩ là con hổ, con hổ lại mọc thêm sừng. Khuyên người học Thiền, biết họ không phải là căn tánh của Thiền tông, họ bị mê ở trong Thiền, họ không thể khai ngộ, họ cũng không đạt được định, dùng phương pháp này để dẫn dắt họ, tiếp dẫn họ. Bạn bảo họ trực tiếp bỏ Thiền tu Tịnh, họ không cam tâm, không tình nguyện, họ không thể tiếp nhận, dùng phương tiện khéo léo như vậy để khuyên bảo họ, hơn nữa còn tự thân làm tấm gương. Ngay đây mà hiểu ra được, giống như thiền sư Trung Phong, bạn thấy thiền sư Trung Phong đã soạn một bộ pháp bản Tam Thời Hệ Niệm cho hậu thế, đó là biên soạn của ngài. Trong đó có một câu quan trọng, “A-di-đà Phật chính là tâm ta, tâm ta chính là A-di-đà Phật”, “Tịnh độ chính là phương này, phương này chính là Tịnh độ”. Mê rồi thì bạn chỉ thấy có sanh có diệt; sau khi ngộ, thì không

sanh không diệt. Cảnh giới của mê ngộ khác nhau, cảnh giới không có mê ngộ, mê ngộ là tự tâm của chúng ta. Thực ra, trên thực tế không có sanh diệt.

Cho nên, đây là lời tổ sư đại đức khuyên dạy chúng ta, *“chỉ cần cứ một mạch mà niệm, chính là thiên thâm diệu vô thượng”*. Thiên thâm diệu vô thượng là do Thích-ca Mâu-ni Phật nói, nhất tâm trì danh, chính là niệm một câu A-di-đà Phật, tức là thiên thâm diệu vô thượng, hình như câu này cũng được ghi trong kinh Đại Tập. *“Bất luận định trì hay tán niệm, quyết định không phí uổng công sức.”* Định trì chính là định khóa, tán niệm là không trong thời khóa cố định, niệm Phật bất cứ lúc nào. Tán niệm này không phải là tâm tán loạn, tâm tán loạn niệm Phật không được, phải nhất tâm, phải dùng tâm cung kính để niệm Phật. Chữ tán này tức là không phải là thời khóa cố định, định khóa của chúng ta là khóa tụng sáng tối, không phải là thời khóa cố định, mọi lúc mọi nơi mà câu Phật hiệu không gián đoạn, đây gọi là tán niệm, quyết định không phí uổng công sức. Những lời nói này đều do lão cư sĩ đã trích dẫn từ trong kinh văn và ngữ lục của tổ sư đại đức, thật sự chẳng giả chút nào.

“Kinh này trước nêu Thanh văn, sau hiển Bồ-tát.” Hiển là hiển thị ra, trước tiên là chúng Thanh văn, sau đó là chúng Bồ-tát. *“Đúng như trong quyển thứ hai của luận Phật Địa”*, đây là điều được nói trong quyển thứ hai. *“Trước nói Thanh văn, sau nói Bồ-tát. Chúng Thanh văn gần gũi Thế Tôn, trực tiếp tiếp nhận sự giáo hóa. Lại nữa, các vị Thanh văn thường theo bên Phật, hình tướng giống với Phật. Vì lẽ đó, đa số các bộ kinh đều là Thanh văn trước, sau đó mới đến Bồ-tát.”* Đây là nói về những đại chúng biểu pháp, giải thích đơn giản về thứ tự trước sau của các ngài. Thanh văn là học trò chưa có khai ngộ, mặc dù đắc định, A-la-hán là đắc định, chín cấp bậc định chứng quả A-la-hán, chưa có đại triệt đại ngộ, chưa có minh tâm kiến tánh, chúng ta biết các ngài chỉ là đoạn hết kiến tư phiền não. Trong kinh Đại thừa thường nói, bên trong lục đạo có tam giới, tam giới là Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới, đoạn hết 88 phẩm kiến hoặc, chứng sơ quả Tiểu thừa Tu-đà-hoàn. Tiếp theo là tư hoặc, tư hoặc có 81 phẩm, phân chia ở chín địa, mỗi địa gồm chín phẩm, 9 lần 9 là 81 phẩm tư hoặc, tư hoặc đoạn sạch, tư hoặc là tham sân si mạn nghi, năm loại lớn này. Cho nên nghi này là phiền não rất nghiêm trọng, sự hoài nghi. Đối với gì mà nói? Đối với thánh giáo mà nói, bạn hoài nghi Thích-ca Mâu-ni Phật, hoài nghi kinh điển của Phật, hoài nghi giáo huấn của Phật. Còn có một điều nữa, hoài nghi chính mình, tự mình tạo tác tội nghiệp quá nặng, đời này của mình có thể thành tựu không? Ý niệm này đều ở trong chữ nghi, đây là phiền não rất nghiêm trọng.

Tham sân si mạn nghi đoạn sạch rồi, 81 phẩm của tam giới thấy đều đoạn sạch, lục đạo sẽ không còn nữa. Lục đạo là giả chứ không phải thật, lục đạo giống như

nằm mộng, bạn đoạn được cái này, nằm mộng liền tỉnh lại. Đại sư Vĩnh Gia nói rất hay, “trong mộng rõ ràng có sáu cõi, giác rồi rỗng lặng không đại thiên”, tỉnh lại rồi. Tỉnh lại là cảnh giới gì? Là tứ thánh pháp giới, vẫn ở trong mộng. Cho nên lục đạo là mộng trong mộng, sau khi ra khỏi lục đạo, từ trong mộng tỉnh lại rồi, vẫn là giác mộng. Vẫn phải tiếp tục, số lượng này thì rất nhiều, trong kinh Hoa Nghiêm gọi là phân biệt, phân biệt nhẹ hơn chấp trước, nhưng rất khó đoạn, tại vì sao? Nó quá nhiều, bạn xem ý niệm phân biệt đó, niệm trước vừa diệt thì niệm sau liền sanh. Phân biệt gọi là trần sa phiền não, trần sa là ví dụ, quá nhiều quá nhiều, khởi tâm động niệm đều đang phân biệt. Phiền não phân biệt đoạn trừ rồi, đây là Bồ-tát. Cho nên trong tứ thánh pháp giới, chúng ta biết được, Thanh văn đoạn kiến tư, thế nhưng vẫn có tập khí của kiến tư. Bích-chi Phật đoạn sạch tập khí kiến tư rồi, họ có trần sa phiền não. Họ đoạn sạch trần sa phiền não rồi, họ liền thành Bồ-tát, lại tiến cao hơn một cấp, họ có tập khí của trần sa. Tập khí của trần sa đoạn thì thành Phật, Phật trong mười pháp giới, vị trí cao nhất trong mười pháp giới. Tuy thành Phật, nhưng họ còn vô thi vô minh phiền não, chính là khởi tâm động niệm. Họ bắt buộc phải đoạn trừ vô minh phiền não, không khởi tâm, không động niệm nữa, lúc này mới thật sự tỉnh lại rồi, tứ thánh pháp giới không còn nữa, mười pháp giới không còn nữa. Cho nên tứ thánh pháp giới cũng không phải là thật. Mười pháp giới không còn nữa, nó xuất hiện là cảnh giới gì? Nhất chân pháp giới. Tại sao gọi là nhất chân? Trong pháp giới này không có biến hóa, trong mười pháp giới có biến hóa, pháp giới này không có biến hóa. Tại vì sao? Không có phân biệt chấp trước. Biến hóa là do phân biệt chấp trước sanh ra, ngay cả thời gian và không gian đều là có biến hóa. Cho nên đến được nhất chân pháp giới, thời gian và không gian không còn nữa, thời gian không còn nữa, trước sau không còn; không gian không còn nữa, khoảng cách không còn, khắp pháp giới hư không giới là nhất chân pháp giới. Thế giới Cực Lạc ở đâu? Chính ở nơi này. A-di-đà Phật thành Phật khi nào? Chính ngay hiện tại. Thời gian và không gian không còn nữa, đây mới gọi là thật sự thành Phật.

Đại sư Thiên Thai giảng, Phật trong mười pháp giới gọi là tương tợ tức Phật, thoát khỏi mười pháp giới, là thật, phân chứng tức Phật. Tại sao là phân chứng? Họ chưa viên mãn. Tại sao chưa viên mãn? Khởi tâm động niệm không còn nữa, chính là vô thi vô minh không còn nữa, nhưng tập khí của vô thi vô minh vẫn còn. Tập khí này chẳng dễ đoạn, không giống những cái trước, những cái trước là tập khí của kiến tư, tập khí của trần sa, đều dễ đoạn, đều có phương pháp đối trị, duy chỉ có vô thi vô minh là không có phương pháp đối trị. Bạn hãy có phương pháp, hãy có đối trị, lập tức rơi vào vọng tưởng phân biệt chấp trước, bạn toàn bộ đã có. Cho nên lúc này, đại đức

xưa nói là đạo không cần dụng công, để mặc nó, tuyệt đối đừng quan tâm tới nó, tuyệt đối không được khởi tâm động niệm, tập khí này dần dần tự nhiên sẽ đào thải mất thôi. Phải mất thời gian bao lâu? Trong kinh nói, ba đại a-tăng-kỳ kiếp, thì không còn nữa. Cho nên nói thành Phật cần ba đại a-tăng-kỳ kiếp, là nói đối với ai? Không phải nói đối với người bình thường, người bình thường nói là vô lượng kiếp, đây là nói đối với Pháp thân Bồ-tát, chính là Bồ-tát Sơ trụ của Viên giáo, ngày nào bạn minh tâm kiến tánh, đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, từ thời điểm này tính đi, phải trải qua ba a-tăng-kỳ kiếp, tập khí của vô minh vô minh này tự nhiên không còn nữa. Vậy nên trong nhất chân pháp giới, Phật nói có 41 cấp bậc, Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa, Đẳng giác, 41 cấp bậc, 41 cấp bậc này từ đâu mà có? Từ tập khí vô minh dày mỏng, từ đây mà có. Tập khí vô minh không có phương pháp nào có thể đoạn trừ, bạn hãy có phương pháp, bạn xem, bạn nhất định khởi phân biệt, khởi chấp trước, bạn liền rớt xuống dưới, cho nên ở chỗ này không thể khởi tâm động niệm, trong cảnh giới đó quả thật làm được không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước. Do đó chúng ta phải hiểu rõ, thế giới đó là thế giới bình đẳng, 41 giai vị đó bình đẳng. Không chỉ 41 giai vị đó bình đẳng, với Phật quả rốt ráo, chính là địa vị Diệu giác, cũng bình đẳng, thật sự bình đẳng.

Bạn xem, chúng ta thấy được từ trong kinh Hoa Nghiêm, Bồ-tát Sơ trụ, vừa mới giác ngộ, đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, họ có năng lực ở trong mười pháp giới, chúng sanh có cảm, họ có thể ứng. Nên dùng thân Phật để độ thì liền hiện ra 32 tướng 80 vẻ đẹp, giống hệt như Thích-ca Mâu-ni Phật vậy, họ liền có thể hiện thân Phật; nên dùng thân Bồ-tát để độ thì liền hiện thân Bồ-tát, thân gì cũng đều có thể hiện ra, họ pháp gì cũng đều có thể giảng, không có chướng ngại, so với ngôi vị Diệu giác có khác biệt gì không? Thật sự là không có khác biệt. Bạn xem về mặt khởi dụng, tự hành hóa tha không có chướng ngại. Điểm duy nhất không tương đồng, chính là tập khí vẫn chưa hoàn toàn dứt sạch. Cho nên mới có nhất chân pháp giới, ở trong cảnh giới đó, thân tướng mà bạn có được là vĩnh hằng không đổi, cũng chính là nói họ không có sanh lão bệnh tử. Thế gian này của chúng ta có sanh lão bệnh tử, có biến hóa! Trong thế giới kia thì không có, cây cối hoa cỏ, không có xuân sanh hạ trưởng thu thu, không có, hoa mãi luôn tươi tốt như vậy, mãi luôn xinh đẹp như vậy, mãi luôn tỏa hương thơm ngát như vậy; núi sông đất đai, mọi thứ đều không biến đổi, vĩnh hằng, cho nên gọi là nhất chân, nó không có biến hóa. Cho nên phải biết được, biến hóa là từ tâm của chúng ta, tâm của chúng ta có biến hóa thì cảnh giới bên ngoài thay đều có biến hóa. Thế nên người nhập định rồi, trong định không có biến hóa, cảnh giới trong định không có biến hóa. Do đó trong định có thể nhìn thấy quá

khứ, có thể nhìn thấy tương lai, bởi vì bạn không có biến hóa, bạn liền có thể nhìn thấy biến hóa của cảnh giới bên ngoài. Bạn không có thời gian và không gian nữa, bạn có thể về quá khứ, bạn cũng có thể đến tương lai. Cho nên định phát thần thông, chính là đức năng của bạn hiển lộ ra, bản năng này đã hiển lộ ra rồi.

Vậy thì nhất chân pháp giới có phải là thật không? Thực ra không phải là thật, nhất chân pháp giới cũng không phải là thật. Là gì? Tập khí vô thi vô minh biến hiện ra, một ngày nào đó tập khí vô thi vô minh đoạn mất, cảnh giới này liền biến mất. Sau khi biến mất, cái gì sẽ hiện tiền? Thường tịch quang hiện tiền, Thường tịch quang chính là bản tánh của chính mình, hoàn toàn trở về tự tánh. Thường tịch quang, trong đây bạn không thấy được hiện tượng vật chất, bạn cũng không thấy được hiện tượng tinh thần, một mảng quang minh. Cho nên trong kinh có bốn chữ để hình dung về nó, “đại quang minh tạng”, đây là Thường tịch quang. Sáu câu nói của đại sư Huệ Năng, cảnh giới đó là gì? Là cảnh giới của Thường tịch quang, câu cuối cùng là nói về cảnh giới của pháp giới hư không giới. Bạn xem những gì nói phía trước, câu thứ nhất là “vốn tự thanh tịnh”, không ô nhiễm, tự tánh không có ô nhiễm. Chúng ta ngày nay ở trong lục đạo, thậm chí là bị đọa vào trong tam đồ, có bị ô nhiễm không? Không có, tự tánh vĩnh viễn không bị ô nhiễm. Thứ bị ô nhiễm là gì? Ô nhiễm là a-lại-da, đặc biệt là mặt-na, mặt-na gọi là ý ô nhiễm. Cho nên tự tánh không có ô nhiễm, tự tánh không có sanh diệt, “vốn không sanh diệt”, đó mới là chính mình, là linh tánh của chính mình, là bản tánh của chính mình, điều này không thể không biết. “Vốn tự đầy đủ”, câu này là nói về bản, nó là đầy đủ, nó không hiển lộ. Đầy đủ cái gì? Đầy đủ tất cả y chánh trang nghiêm của pháp giới hư không giới, nó vốn tự đầy đủ. “Vốn không dao động”, nó xưa nay chưa từng động. Động thì khởi lên hiện tượng, không động sẽ không có hiện tượng.

Cho nên pháp giới làm sao đến? Một niệm bất giác mà có vô minh. Vô minh chính là a-lại-da, vô minh là tướng nghiệp của a-lại-da, từ tướng nghiệp liền biến hiện ra một tướng chuyển, từ tướng chuyển liền biến hiện ra một tướng cảnh giới, đây gọi là ba tướng tế của a-lại-da. Tốc độ chuyển đổi này quá nhanh, chính là một khảy ngón tay mà Bồ-tát Di-lặc nói, một khảy ngón tay có bao nhiêu ý niệm? Tức là có bao nhiêu tướng nghiệp? Nghiệp, quý vị cần phải biết, nghiệp là chấn động, trong khoa học hiện đại gọi là chấn động, chính là động rồi. Một niệm này của chúng ta, một khảy ngón tay này có bao nhiêu sự chấn động, bao nhiêu tần số? Ngài nói cho chúng ta biết, ba mươi hai ức trăm ngàn niệm, trăm ngàn là đơn vị, trăm ngàn là mười vạn, ba mươi hai ức nhân với mười vạn, là 320 ngàn tỷ, bạn xem một khảy ngón tay có 320 ngàn tỷ. “Niệm niệm thành hình”, hình chính là hiện tượng vật chất, mỗi một

niệm nó đều có một hiện tượng vật chất. Cái hiện tượng vật chất mà bạn nhìn thấy trong một khay ngón tay, nó là 320 ngàn tỷ ý niệm, hình tướng đó tích lũy tại nơi đó, nhà khoa học dùng kính hiển vi đã nhìn thấy được. Vậy nếu bạn nhìn thấy một giây đồng hồ, nó tồn tại trong một giây, đột nhiên không còn nữa, vậy một giây đó là bao nhiêu sự tích lũy? Tôi nghĩ khay ngón tay nhanh, có thể khay được 5 lần, khay 5 lần chính là 1.600 ngàn tỷ, bạn xem sự tích lũy của 1.600 ngàn tỷ, cho bạn nhìn thấy hiện tượng này trong một giây, một giây thì không còn nữa, nhà khoa học có thể nhìn thấy. Nhà khoa học không có cách nào nhìn thấy 1.600 ngàn tỷ trong một giây đó, cái đó họ không thấy được. Thế nhưng đã là rất phi thường rồi, chúng ta thật sự rất khâm phục, họ có thể nhìn thấy thứ này trong vòng một giây, họ biết được trong không sanh ra có, sanh rồi lập tức diệt mất, tốc độ quá nhanh.

Tướng chuyển chính là thông tin, thông tin mà nhà khoa học nói đến; tướng nghiệp chính là năng lượng, cái dao động sóng này chính là năng lượng; tướng cảnh giới chính là vật chất. Cho nên nhà khoa học nói, nhà khoa học lượng tử, trong vũ trụ này chỉ có ba thứ, ngoài ba thứ này ra thì cái gì cũng không có. Trong Phật pháp, các vị đại sư của Pháp tướng duy thức, bạn xem họ nói trong vũ trụ cái gì cũng không có, chỉ có a-lại-da, cũng chính là ba tướng tế của a-lại-da, gọi là duy thức, duy nhất chỉ có thức, ngoài thức ra thì toàn bộ đều là giả. Giống như kính vạn hoa vậy, trong kính vạn hoa có những thứ gì? Có ba mảnh vụn màu sắc khác nhau. Chuyển động, đây chính là năng lượng, chính là năng lượng đang chuyển động. Bạn từ trong chuyển động mà nhìn, vô lượng vô biên các hoa văn xuất hiện. Thật sự hiểu được, làm gì có nhiều thứ đến thế? Chẳng qua chỉ là ba mảnh vụn màu sắc khác nhau mà thôi. Ngày nay chúng ta nhìn thấy y chánh trang nghiêm trong toàn vũ trụ, chính là nó đang động; nếu như nó không động thì biến thành ba thứ. Khoa học lượng tử có sự giúp đỡ rất lớn đối với Phật pháp. Theo cách tính năm của Trung Quốc, năm nay là Thích-ca Mâu-ni Phật viên tịch được 3.000 năm, người Trung Quốc nói là 3.037 năm. Phật diệt độ đến nay, a-lại-da mới được các nhà khoa học phát hiện ra, minh chứng rằng những gì Pháp Tướng tông nói không sai một chút nào. Hôm nay thời gian đã hết, chúng ta học tập đến đây.